

**DANH MỤC**  
**TÀI LIỆU ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ MẠO KHÊ - VINACOMIN**

1. Chương trình Đại hội
2. Mẫu đăng ký, ủy quyền dự Đại hội
3. Dự thảo quy chế làm việc của Đại hội
4. Báo cáo của Giám đốc về kết quả hoạt động SXKD năm 2021 và kế hoạch SXKD năm 2022 của Công ty;
5. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2021 và Phương hướng, nhiệm vụ năm 2022;
6. Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán
7. Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2021;
8. Báo cáo chi trả thù lao, tiền lương của HĐQT, BKS, của người quản lý công ty năm 2021, đề xuất tiền lương và thù lao của HĐQT, BKS, người quản lý công ty năm 2022;
9. Báo cáo hoạt động của BKS và giám sát hoạt động quản lý của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành năm 2021;
10. Báo cáo của BKS về thẩm định báo cáo tài chính năm 2021;
11. Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC của Công ty năm 2022;
12. Dự thảo Nghị quyết Đại hội

**DỰ THẢO**

**CHƯƠNG TRÌNH  
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022  
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ MẠO KHÊ - VINACOMIN**

- Thời gian: 7 giờ 30 phút, ngày 20 tháng 4 năm 2022
- Địa điểm : Hội trường Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê - Vinacomín  
Khu Quang Trung - Mạo Khê - Đông Triều - Quảng Ninh

TT	THỜI GIAN	NỘI DUNG	NGƯỜI THỰC HIỆN
1	07h30 - 08h00	Đăng ký cổ đông, phát thẻ biểu quyết	Ban tổ chức
2	08h00 - 08h10	- Khai mạc, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu. - Giới thiệu chủ tọa lên điều hành Đại hội	Ông Đỗ Văn Hinh
3	08h10- 08h20	Cử thư ký đại hội, Ban kiểm phiếu đại hội.	Ông Nguyễn Trọng Tốt
		Biểu quyết thông qua đề cử thư ký Đại hội	
		Biểu quyết thông qua Ban kiểm phiếu Đại hội	
4	08h20 - 08h25	Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông	Ông Nguyễn Đại Dương Anh
5	08h25 - 08h40	- Trình bày chương trình Đại hội, quy chế Đại hội.	Ông Đỗ Văn Hinh
		- Biểu quyết thông qua Chương trình và Quy chế Đại hội.	Ông Nguyễn Trọng Tốt
6	08h40 - 8h50	Báo cáo kết quả SXKD năm 2021 và nhiệm vụ, giải pháp điều hành năm 2022.	Ông Nguyễn Hải Long
7	8h50 - 9h05	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị 2021, phương hướng năm 2022.	Ông Đặng Văn Phôi
8	09h05- 9h25	- Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021. - Tờ trình về phương án phân chia lợi nhuận 2021 - Báo cáo chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2021 và đề xuất thù lao HĐQT, BKS năm 2022	Bà Bùi Thị Khánh Hà
9	9h25 – 9h50	- Báo cáo thẩm định báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021. - Báo cáo của BKS đánh giá công tác quản lý của HĐQT, Giám đốc điều hành công ty năm	Ông Lê Hồng Quang

<b>TT</b>	<b>THỜI GIAN</b>	<b>NỘI DUNG</b>	<b>NGƯỜI THỰC HIỆN</b>
		2021. - Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty năm 2022.	
10	9h50 – 10h05	Đại hội nghỉ giải lao	
11	10h05 – 10h45	- Thảo luận về các Báo cáo, Tờ trình đã trình bày tại đại hội. - Biểu quyết các nội dung đã trình bày và thảo luận tại Đại hội	Ông Nguyễn Trọng Tốt
12	10h45 - 10h55	Trình bày Biên bản và dự thảo Nghị quyết Đại hội.	Thư ký Đại hội
		Biểu quyết thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội	Ông Nguyễn Trọng Tốt
13	10h55 - 11h00	Bế mạc Đại hội.	Ông Nguyễn Trọng Tốt

**Nơi nhận:**

- HĐQT, BKS;
- Cổ đông của Công ty;
- Người UQCBTT;
- Website Công ty;
- Lưu: VT; Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Trọng Tốt**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm 2022

**GIẤY ỦY QUYỀN**

**Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022**  
**Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê - Vinacomin**

Tên tôi là: .....

Địa chỉ:.....

Số CMND:.....Cấp ngày:.....Nơi cấp:.....

Điện thoại:.....Fax:.....Email.....

Đơn vị công tác:.....

Sở hữu: ..... cổ phần phổ thông

Nay tôi uỷ quyền cho ông (bà): .....

Địa chỉ: .....

Số CMND .....Cấp ngày:.....Nơi cấp: .....

Điện thoại: ..... Fax..... Email.....

Được thay mặt tôi tham dự, biểu quyết và bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê - Vinacomin với tư cách là đại diện cho số cổ phần mà tôi sở hữu.

Người được tôi uỷ quyền không được uỷ quyền lại cho người khác và có trách nhiệm thông báo kết quả đại hội cho tôi biết.

Giấy uỷ quyền này chỉ có hiệu lực tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê – Vinacomin và được lập thành 2 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ một bản.

**Người uỷ quyền**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Người được uỷ quyền**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm 2022

**GIẤY ỦY QUYỀN**

**Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022**  
**Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê - Vinacomin**

Chúng tôi là cổ đông của Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê - Vinacomin, gồm những người sau đây:

TT	Họ và tên	Đơn vị	Số cổ phần sở hữu	Số CMND, ngày cấp, nơi cấp
1				
2				
3				
4				
5				
6				
...				
	Cộng			

Tổng số cổ phần mà chúng tôi sở hữu là ..... .. cổ phần, bằng .....% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Nay chúng tôi thống nhất uỷ quyền cho Ông (Bà): .....

Địa chỉ: .....

Số CMND .....Cấp ngày:.....Nơi cấp: .....

Điện thoại: ..... Fax..... Email.....

Được thay mặt chúng tôi tham dự, biểu quyết và bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty với tư cách là đại diện cho tất cả số cổ phần mà chúng tôi sở hữu nêu trên.

Người được chúng tôi uỷ quyền không được uỷ quyền lại cho người khác và có trách nhiệm thông báo kết quả đại hội cho chúng tôi biết.

Giấy uỷ quyền này chỉ có hiệu lực tại đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty và được lập thành 2 bản có giá trị pháp lý như nhau, người được uỷ quyền giữ một bản và những người uỷ quyền giữ một bản.

Chúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc uỷ quyền này và nhất trí ký tên xác nhận dưới đây:

**Người uỷ quyền**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Người được uỷ quyền**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

1. ....
2. ....
3. ....
4. ....
5. ....
6. ....
7. ....
8. ....
9. ....
10. ....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ..... tháng ..... năm 2022

**GIẤY ĐĂNG KÝ**

**Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022**  
**Công ty cổ phần Cơ khí Mạo Khê - Vinacomin**

Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông

Tên cổ đông (hoặc đại diện tổ chức): .....

Địa chỉ: .....

Số CMND (hoặc hộ chiếu) ..... Ngày cấp ..... Nơi cấp: .....

(Hoặc) Số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: .....

do ..... cấp ngày ..... tháng ..... năm .....

Điện thoại: ..... Fax ..... Email.....

Mã số cổ đông: ..... ; Sở hữu: ..... cổ phần phổ thông

Tôi/ Chúng tôi đã nhận được thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022, Công ty cổ phần Cơ khí Mạo Khê - Vinacomin, nay xác nhận:

\* **TRỰC TIẾP THAM DỰ ĐẠI HỘI**

\* **UỶ QUYỀN CHO NGƯỜI ĐẠI DIỆN THAM DỰ ĐẠI HỘI**

(Có giấy uỷ quyền kèm theo)

Trân trọng thông báo để Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông biết và tổng hợp./.

**Chữ ký của cổ đông**  
(Đóng dấu nếu là cổ đông pháp nhân)

**\* Ghi chú:**

- Đề nghị quý vị cổ đông đánh dấu (x) vào ô tương ứng

- Nếu uỷ quyền cho người khác dự, xin vui lòng gửi kèm theo Giấy uỷ quyền cho Công ty

Quảng Ninh, ngày tháng 3 năm 2022

(Dự thảo)

**QUY CHẾ LÀM VIỆC  
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022  
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ MẠO KHÊ – VINACOMIN**

- Căn cứ Luật Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê – Vinacomin,

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê - Vinacomin được tổ chức và thực hiện theo Quy chế tổ chức sau đây:

**Điều 1. Mục đích, yêu cầu**

Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Cơ khí Mạo Khê - Vinacomin diễn ra đúng quy định điều lệ và pháp luật quy định; bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Công ty và cổ đông.

Nội dung Quy chế đảm bảo đúng nguyên tắc, không trái pháp luật và điều lệ Công ty.

**Điều 2. Đối tượng và phạm vi**

**2.1. Đối tượng:** Tất cả các cổ đông, đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Cơ khí Mạo Khê - Vinacomin đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.

**2.2. Phạm vi áp dụng:** Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Cơ khí Mạo Khê – Vinacomin.

**Điều 3. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông**

- Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít lớn hơn 50% cổ phần có quyền biểu quyết.

**Điều 4. Đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông**

1. Các cổ đông của Công ty cổ phần Cơ khí Mạo Khê – Vinacomin và người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (theo danh sách cổ đông đăng ký cuối cùng ngày 22/3/2022) đều có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông;



2. Cổ đông và/hoặc đại diện theo ủy quyền sau đây được gọi là “Đại biểu” khi vào phòng Đại hội phải có mặt đúng thời gian quy định và làm thủ tục đăng ký với Ban tổ chức Đại hội;

3. Trong thời gian diễn ra Đại hội đồng cổ đông, Đại biểu phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Ban tổ chức Đại hội, ứng xử văn minh, lịch sự và giữ trật tự Đại hội;

4. Các Đại biểu phải giữ bí mật, thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo quản tài liệu, không sao chép, ghi âm đưa cho người ngoài Đại hội khi chưa được Chủ tọa đại hội cho phép;

5. Không hút thuốc trong phòng Đại hội;

6. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội, tất cả các máy điện thoại di động phải được tắt hoặc không để chuông.

### **Điều 5. Chủ tọa đại hội**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Cơ khí Mạo Khê- Vinacomin.

2. Nhiệm vụ của chủ tọa:

a. Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông theo Chương trình của Hội đồng quản trị (HĐQT) được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua tại đại hội;

b. Hướng dẫn các Đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;

c. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;

d. Trả lời hoặc điều hành các bộ phận liên quan trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;

e. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

### **Điều 6. Thư ký Đại hội**

1. Ban Thư ký của Đại hội do Chủ tọa giới thiệu (thông qua Ban Tổ chức Đại hội); Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Chủ tọa.

2. Nhiệm vụ của Ban Thư ký:

a. Giúp chủ tọa kiểm tra tư cách Đại biểu dự họp (khi cần thiết);

b. Hỗ trợ công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết của Đại hội và gửi thông báo của chủ tọa đến các Đại biểu khi được yêu cầu;

c. Tiếp nhận, rà soát Phiếu thảo luận, các ý kiến của Đại biểu, chuyển chủ tọa quyết định;

d. Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và các vấn đề đã được thông qua hoặc còn lưu ý vào Biên bản Đại hội;

đ. Soạn thảo Nghị quyết về các vấn đề được thông qua tại Đại hội.

### **Điều 7. Ban kiểm tra tư cách Cổ đông**

1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình.

2. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông:

Ban kiểm tra tư cách cổ đông của Đại hội có trách nhiệm kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông đến dự họp.

Trường Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng Đại biểu dự họp đại diện trên 50 % số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê-Vinacomin được tiến hành.

### **Điều 8. Ban kiểm phiếu**

1. Ban kiểm phiếu của Đại hội do Chủ tọa giới thiệu và được Đại hội biểu quyết tín nhiệm.

2. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:

- Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông khi thực hiện nhiệm vụ của mình;

Xác định chính xác kết quả biểu quyết tại Đại hội;

- Nhanh chóng thông báo kết quả kiểm phiếu cho Ban Thư ký;

- Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết, bầu cử hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả kiểm phiếu.

### **Điều 9. Thảo luận tại Đại hội**

1. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung Đại hội đồng cổ đông;

- Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung vào Phiếu thảo luận và chuyển cho Ban Thư ký;

- Ban Thư ký sẽ sắp xếp các Phiếu thảo luận của Đại biểu theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho chủ tọa điều hành;

- Đại biểu khi cần phát biểu hoặc tranh luận thì giơ tay, chỉ khi được Đoàn Chủ tịch nhất trí mới được phát biểu. Mỗi Đại biểu phát biểu không quá 05 phút, nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp.

2. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu:

- Trên cơ sở ý kiến thảo luận của Đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của Đại biểu;

- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê – Vinacomin trả lời trực tiếp bằng văn bản.

### **Điều 10. Biểu quyết thông qua các vấn đề**

#### **1. Nguyên tắc:**

- Mỗi Cổ đông tham dự Đại hội đều được cấp 01 thẻ biểu quyết để biểu quyết thông qua các nội dung công khai trước Đại hội.

- Thẻ biểu quyết được Công ty in sẵn đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội. Thẻ biểu quyết có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.

2. Hình thức, cách thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 như sau:

- Khi chủ tọa thực hiện việc lấy biểu quyết các nội dung cần xin ý kiến thông qua tại Đại hội. Các cổ đông giơ cao thẻ biểu quyết, hình thức này được dùng để thông qua các tất cả các vấn đề cần biểu quyết xin ý kiến tại Đại hội như: Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội; thành phần Ban kiểm phiếu; thông qua các nội dung báo cáo, tờ trình Đại hội; thông qua Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội và các nội dung khác tại Đại hội (nếu có). Ban kiểm phiếu thu phiếu tán thành trước, phiếu không tán thành sau.

- Cách thức biểu quyết giơ thẻ:

+ Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết; mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được hướng về phía Đoàn Chủ tọa.

+ Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó.

+ Trường hợp đại biểu giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như việc biểu quyết cho vấn đề đó là không hợp lệ.

Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến, Không hợp lệ.

#### **3. Thẻ lệ biểu quyết**

- Các vấn đề cần lấy biểu quyết tại Đại hội chỉ được thông qua khi đạt được tỷ lệ biểu quyết đồng ý trên 50 % số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội. Riêng một số trường hợp vấn đề biểu quyết được quy định tại Khoản 3,

Điều 21 Điều lệ Công ty thì phải có sự đồng ý ít nhất 65% số cổ phần có quyền tham dự Đại hội.

**Điều 11. Biên bản, Nghị Quyết họp Đại hội đồng cổ đông**

Biên bản họp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

**Điều 12. Thi hành Quy chế**

Đại biểu dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông. Đại biểu vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể, Đoàn Chủ tịch sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê – Vinacomin và Luật Doanh nghiệp.

***Nơi nhận:***

- HĐQT, BKS;
- Cổ đông của Công ty;
- Người UQCBTT;
- Website Công ty;
- Lưu: VT; Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Trọng Tốt**

Số: /BC- CKMK

Quảng Ninh, ngày tháng 3 năm 2022

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ THỰC HIỆN KH SXKD NĂM 2021**  
**KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022**

**Phần thứ nhất**

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021**

**I. Những thuận lợi, khó khăn.**

**1. Khó khăn.**

Ảnh hưởng của dịch bệnh Covid – 19 làm gián đoạn công tác sản xuất kinh doanh của công ty một số thời điểm trong năm. Trong 9 tháng đầu năm công ty chủ yếu thực hiện việc cung cấp vật tư phụ tùng và sửa chữa nhỏ lẻ, một số bộ phận lao động còn thiếu việc làm.

Giá vật tư đầu vào tăng đột biến làm cho giá thành sản xuất các sản phẩm tăng cao, dẫn đến việc cung cấp vật tư phụ tùng, thiết bị của công ty không thực hiện được, công tác tiêu thụ sản phẩm giảm.

Công tác tiếp thị và tìm kiếm việc làm gặp nhiều khó khăn do phải cạnh tranh về giá, chất lượng, tiến độ ngày càng gay gắt.

**2. Thuận lợi.**

Năm 2021 công ty triển khai KH SXKD trong điều kiện ngành Than có những cơ chế, định hướng phát triển khối cơ khí TKV. Các đơn vị sản xuất than ưu tiên sử dụng vật tư, thiết bị của công ty nên công tác tiêu thụ có chuyển biến tích cực.

Công ty có đội ngũ cán bộ kỹ thuật, nghiệp vụ có trình độ chuyên môn vững, đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề, có tinh thần vượt khó.

Công ty có mặt bằng nhà xưởng rộng rãi, năng lực thiết bị đủ điều kiện nâng cao sản lượng, mở rộng sản xuất, các sản phẩm truyền thống được khách hàng đánh giá cao về chất lượng, tiến độ cung cấp và hiệu quả sử dụng.

**II. Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.**

**1. Một số chỉ tiêu chủ yếu trong SXKD năm 2021.**

- Doanh thu đạt: 189.394 triệu đồng. = 95,4 % kế hoạch.
- Lợi nhuận trước thuế: 2.252 triệu đồng. = 90 % kế hoạch.

- Lao động bình quân: 268 người. = 90 % kế hoạch.
- Tiền lương bình quân đạt: 8,331 đ/ng/thg. = 104 % kế hoạch.
- Thực hiện nộp ngân sách đầy đủ, đúng quy định.
- Cổ tức: 7 %.

- Thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và quy định của địa phương.

- Đảm bảo an toàn về người, thiết bị và môi trường.
- Thực hiện đầy đủ chế độ chính sách đối với người lao động.
- Thực hiện tốt quy chế dân chủ trong công ty.
- Bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông.

Để đạt được kết quả trên trong điều kiện dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, công ty đã có nhiều giải pháp trong chỉ đạo và điều hành để thích ứng an toàn vừa sản xuất, vừa chống dịch, đảm bảo thu nhập cho người lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Bên cạnh đó công ty tranh thủ sự quan tâm của lãnh đạo Tập đoàn, các ban chuyên môn để kịp thời ứng phó dịch chuyển cơ cấu sản phẩm cho phù hợp với nhu cầu của các đơn vị trong TKV, tạo doanh thu, việc làm cho người lao động.

Tuy nhiên do ảnh hưởng lớn từ giá cả vật tư tăng đột biến làm cho các đơn vị trong TKV khó khăn trong việc điều chỉnh giá mua sắm vật tư và thực hiện đầu tư mua sắm thiết bị theo kế hoạch, làm cho doanh thu đạt 95,4 %, lợi nhuận đạt 90 % so kế hoạch.

## **2. Thực hiện KH đầu tư năm 2021.**

Theo kế hoạch thực hiện đầu tư và xây dựng năm 2021 điều chỉnh được Tập đoàn TKV thông qua. Công ty phải thực hiện tổng giá trị đầu tư theo kế hoạch là 1.020 triệu đồng cho các công trình chuyển tiếp; Công trình khởi công mới và công tác chuẩn bị dự án.

\*Kết quả thực hiện:

- Công trình chuyển tiếp: Dự án Đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất 2018: Hàng mục mua sắm hệ thống nung phôi trung tần đã thực hiện xong phần điện, nước làm mát với giá trị thực hiện là 350/850 triệu đồng.

- Công trình khởi công mới: Đầu tư nâng cấp Hệ thống phần mềm quản lý văn bản nội bộ (Để thực hiện kết nối được trực liên thông văn bản nội bộ TKV), đã thực hiện xong phần cài đặt nâng cấp với giá trị thực hiện là 85/120 triệu đồng, phần còn lại phải chờ đầu hệ thống TKV hoàn thiện.

- Công tác chuẩn bị dự án: Đã thực hiện công tác chuẩn bị dự án với giá trị thực hiện là 50/50 triệu đồng: cho Dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất 2021 với tổng mức đầu tư là: 3.220 triệu đồng.

Kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư năm 2021 của công ty là 496/1.020 triệu đồng, đạt 49 % theo kế hoạch năm.

Tiếp tục nghiên cứu xem xét lựa chọn chủng loại thiết bị công nghệ phù hợp thị trường, năng lực của công ty để đầu tư có hiệu quả hơn. Công tác đầu tư xây dựng năm 2021 được triển khai thực hiện theo đúng Nghị quyết của HĐQT, các công trình, hạng mục đầu tư thực hiện, phù hợp với điều kiện của Công ty.

### **3. Nhận xét đánh giá chung.**

Công ty chưa hoàn thành một số các chỉ tiêu chủ yếu theo kế hoạch phối hợp kinh doanh với Tập đoàn TKV và Nghị quyết của HĐQT.

Tuy nhiên công ty đảm bảo đầy đủ chế độ cho người lao động, ổn định việc làm và thu nhập, bảo toàn vốn của Tập đoàn và của cổ đông, đảm bảo an toàn trong sản xuất.

Những tồn tại cần khắc phục:

Công tác tiếp thị và tìm kiếm việc làm đôi lúc còn gặp khó khăn dẫn đến tình trạng phân bổ việc làm trong năm không đồng đều.

Công tác vật tư có thời điểm còn chưa đáp ứng kịp thời nhu cầu sản xuất dẫn đến gây áp lực lên khối sản xuất.

Việc kiểm soát quỹ lương còn chưa chặt chẽ, trong kỳ còn có thời điểm chi vượt quỹ lương theo kế hoạch.

Công tác quản lý lao động còn chưa tốt, chưa thường xuyên; vẫn còn hiện tượng người lao động vi phạm thời giờ làm việc.

Trong năm 2021 để xảy ra việc trộm cắp tài sản và đã kịp thời phát hiện, thu hồi được tài sản về cho công ty.

Việc thực hiện kế hoạch đầu tư còn chậm nên phát huy giá trị đầu tư và không kịp thời phân bổ chi phí cho phù hợp.

## **Phần thứ hai**

### **PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM 2022.**

Dự báo tình hình dịch bệnh Covid-19 còn diễn biến phức tạp, khó lường, tác động mạnh và trực tiếp đến KH và tình hình hoạt động SXKD của công ty.

Tình hình kinh tế trong nước và thế giới có nhiều diễn biến phức tạp; giá nguyên vật liệu tăng cao, trong đó giá bán khó tăng vì phải cạnh tranh với các đơn vị trong và ngoài do tình trạng thiếu việc làm. Điều này đòi hỏi mỗi CNVC-LĐ Công ty phải nỗ lực cao hơn nữa để thực hiện hoàn thành mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Phương châm lãnh chỉ đạo: Tiếp tục duy trì sản xuất ổn định sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm; hoàn thiện cơ cấu tổ chức, mô hình quản trị phù hợp, tiết kiệm chi phí, nâng cao năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh của sản phẩm đảm bảo tăng trưởng hợp lý, bền vững. Tập trung nghiên cứu chế tạo các sản phẩm mới có tính ứng dụng và giá trị gia tăng cao; tiếp tục nghiên cứu chuyên sâu và dịch chuyển cơ cấu sản phẩm sang những thiết bị cơ giới hóa, tự động hóa cho phù hợp với giai đoạn hiện nay.

Thực hiện hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch phối hợp sản xuất kinh doanh năm 2022.

#### **\* Các chỉ tiêu chính.**

- Doanh thu: 190.000 triệu đồng.
- Lợi nhuận: 2.500 triệu đồng.
- Lao động bình quân: 268 người.
- Tiền lương bình quân: 8.432 nghìn đồng/ người/ tháng.
- Cổ tức: Lớn hơn hoặc bằng 5% VDL.
- Bảo toàn vốn.
- Đảm bảo an toàn cho người, thiết bị và môi trường.
- Ổn định việc làm, thu nhập.
- Cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao văn hóa, tinh thần cho NLĐ.
- Đoàn kết nội bộ, giữ vững truyền thống “Kỷ luật và đồng tâm”, phát huy hơn nữa các thành tích mà công ty đã đạt được.
- Tiếp tục thực hiện kế hoạch đầu tư của năm 2022 với tổng giá trị là: **4.820** triệu đồng

#### **\*Mục tiêu và giải pháp năm 2022.**

##### **+ Mục tiêu.**



Tiếp tục xây dựng Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê -Vinacomin cơ bản thành đơn vị cơ khí chủ lực của Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam, đảm bảo được lợi nhuận, thu nhập, ổn định đời sống cho người lao động.

Đầu tư xây dựng và phát triển với công nghệ tiên tiến, chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc tế, tham gia sâu hơn nữa vào chuỗi giá trị toàn cầu, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, cạnh tranh bình đẳng trong hội nhập quốc tế; đội ngũ lao động chuyên nghiệp, kỷ luật và đồng tâm, chủ động trong các khâu nghiên cứu, thiết kế, chế tạo sản phẩm cơ khí, cơ bản đáp ứng nhu cầu sản phẩm cơ khí của thị trường trong TKV.

#### **+ Giải pháp.**

Bám sát vào kế hoạch, định hướng, chiến lược phát triển công ty trong thời gian tới để thực hiện tốt các nhiệm vụ Tập đoàn giao đảm bảo tiến độ, chất lượng và phát huy được hiệu quả SXKD.

Thực hiện dịch chuyển cơ cấu từ sản phẩm truyền thống dần sang các thiết bị cơ giới hóa, tự động hóa có giá trị gia tăng cao, kịp thời đáp ứng nhu cầu thiết bị của các đơn vị trong TKV. Đặc biệt quan tâm đến chế tạo các thiết bị đồng bộ phục vụ cơ giới hóa và tự động hóa trong khai thác hầm lò như: Máy cào cơ giới hóa, máy cào năng suất cao, giàn chống mềm, chống khảm, giá khung các loại...

Tăng cường đầu tư máy móc thiết bị, nhà xưởng, thiết bị chuyên dùng, dụng cụ chuyên sâu trong việc kiểm tra để tạo sự chuyên môn hóa cao trong quá trình sản xuất

Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho các lĩnh vực mà công ty cần, tạo điều kiện và hỗ trợ tốt cho các kỹ sư kỹ thuật của công ty để nâng cao trình độ chuyên môn phục vụ công tác nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới.

Cân đối nhu cầu nguồn vốn đảm bảo tương ứng với mức tăng trưởng trong SXKD và giá cả vật tư thị trường đã được xây dựng ngay từ đầu năm.

Tiếp tục rà soát các loại vật tư ứ đọng chậm luân chuyển để đưa vào sản xuất. Sử dụng và dự phòng vật tư hợp lý, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Tăng cường công tác quyết toán sản phẩm, thu hồi công nợ.

Kính thưa các Quý vị khách quý; Quý vị đại biểu

Phát huy những kết quả đã đạt được trong năm qua, với truyền thống “Kỷ luật và Đồng tâm”, Công ty cổ phần cơ khí Mạo Khê-Vinacomin sẽ quyết tâm thực hiện tốt hơn nữa chức năng, nhiệm vụ của mình thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu SXKD năm 2022; Xây dựng Công ty cổ phần cơ khí Mạo Khê phát triển bền vững./.

***Nơi nhận:***

- HDQT, BKS;
- Cổ đông của Công ty;
- Người UQCBTT;
- Website Công ty;
- Lưu: VT; Thư ký Công ty.

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Hải Long**

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP  
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ MẠO KHÊ - VINACOMIN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-CKMK

*Đông Triều, ngày tháng 3 năm 2022*

**DỰ THẢO**

**BÁO CÁO**  
**HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ MẠO KHÊ - VINACOMIN**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020.

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty CP cơ khí Mạo Khê - Vinacomin.

Căn cứ Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2021.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê - Vinacomin báo cáo Đại hội cổ đông kết quả hoạt động năm 2021 như sau:

**I. Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021:**

**1. Công tác quản trị về cơ cấu HĐQT:**

Số lượng thành viên HĐQT gồm 5 thành viên:

- Ông Nguyễn Trọng Tốt- Chủ tịch HĐQT- Người ĐD phần vốn của TKV.
- Ông Nguyễn Hải Long - Thành viên HĐQT - Giám đốc điều hành.
- Ông Đặng Văn Phôi - Thành viên HĐQT- TrL Giám đốc.
- Ông Vương Quốc Hà - Thành viên HĐQT- Phó Giám đốc.
- Ông Đỗ Văn Hình - Thành viên HĐQT- Chủ tịch công đoàn.

\* Trong 05 thành viên HĐQT có:

- 03 thành viên kiêm nhiệm chức vụ điều hành của Công ty.
- 01 là thành viên kiêm nhiệm chức vụ làm công tác Đảng, Đoàn thể.
- 01 là thành viên HĐQT không điều hành.

Để HĐQT thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, đồng thời, có cơ sở đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng thành viên, ngày 09/5/2018 Chủ tịch HĐQT ban hành Quyết định số 410/QĐ-CKMK để phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT phụ trách; Nghị quyết số 07/NQ-CKMK ngày 28/01/2021 đã thông qua chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2021, Theo dõi từng lĩnh vực quản lý, sản xuất kinh doanh phù hợp với năng lực, kinh nghiệm của từng thành viên.

**2. Công tác tổ chức và hoạt động của HĐQT:**

Năm 2021, Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty cổ phần Cơ khí Mạo Khê - Vinacomin đã bám sát Điều lệ tổ chức, hoạt động và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên, duy trì các cuộc họp thường kỳ hàng quý đảm bảo

chương trình, số lượng thành viên dự họp và biểu quyết theo Luật nhằm đảm bảo nắm bắt toàn diện tình hình hoạt động của công ty, kịp thời đưa ra các quyết sách phù hợp đối với những vấn đề quan trọng của Công ty.

HDQT đã tổ chức họp định kỳ và đột xuất tổng số là 12 phiên họp, các cuộc họp HDQT tập trung vào những nội dung sau:

- Thông qua KHSXKD năm 2021.
- Thông qua KHĐTXD năm 2021.
- Thông qua phương án bố trí cán bộ.
- Thông qua quy hoạch cán bộ giai đoạn 2020- 2025.
- Thông qua định mức tín dụng ngắn bình quân và một số chỉ tiêu tài chính.
- Thông qua chương trình, kế hoạch hoạt động của HDQT năm 2021.
- Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2021.
- Thông qua quy chế quản lý vật tư và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
- Phê duyệt quỹ lương thực hiện năm 2020.
- Thông qua việc chuẩn bị Đại hội đồng cổ đông năm 2021 của Công ty.
- Thông qua các nội dung báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và sửa đổi điều lệ, quy chế quản trị...của Công ty trình Đại hội.
- Thông qua kết quả SXKD tháng 3, quý I và phương hướng nhiệm vụ quý II năm 2021.
- Phê duyệt kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2021 (điều chỉnh).
- Xem xét sự việc triển khai thực hiện DA sản xuất thử nghiệm giàn mềm.
- Thông qua kết quả SXKD 9 tháng, kế hoạch quý IV; kiểm điểm thực hiện NQ của HDQT kỳ trước.
- Chấp thuận giao dịch, ký kết hợp đồng với các tổ chức liên quan.
- Xem xét việc xây dựng KHSXKD năm 2022.
- Thông qua kế hoạch ĐTXD năm 2022.
- Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình kế hoạch của HDQT năm 2021, kế hoạch năm 2022.
- Chuẩn y kết quả đánh giá cán bộ năm 2021.

Mọi hoạt động của Công ty đã thực hiện trong khuôn khổ pháp luật và Điều lệ cũng như các quy chế trong lĩnh vực quản lý của Công ty đã ban hành làm cơ sở điều hành trong tất cả các lĩnh vực hoạt động của Công ty.

### **3. Hoạt động giám sát của HDQT đối với Ban Giám đốc và cán bộ điều hành công ty:**

Giám đốc điều hành Công ty đã tổ chức và chỉ đạo thực hiện hoạt động SXKD đúng với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn tuân thủ đúng pháp luật Nhà nước, các quy định tại Điều lệ hoạt động của công ty, Nghị quyết của Đại hội cổ đông, **các nghị quyết của HDQT** Công ty và các quy định của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

Thực hiện điều hành Công ty được nề nếp và liên tục, HĐQT đã kịp thời họp và ra nghị quyết điều chỉnh nhiệm vụ các chức danh các thành viên Hội đồng quản trị khi có sự thay đổi nhân sự và thông qua để Giám đốc điều hành tổ chức phòng ban, phân xưởng và cán bộ quản đốc, trưởng phòng theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

Ban giám đốc đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng người và có sự điều chỉnh chức năng nhiệm vụ cho phù hợp với từng giai đoạn trong quá trình thực hiện kế hoạch SXKD. Nhiệm vụ của từng người đã được HĐQT theo dõi giám sát, nhắc nhở thường xuyên và nhận xét đánh giá cuối năm lưu hồ sơ cán bộ.

**Tuy nhiên trong năm, Ban giám đốc thực hiện chưa triệt để một số nội dung theo Nghị quyết HĐQT về công tác cán bộ, công tác xử lý tài chính, nợ quá hạn và công tác huy động vốn.**

#### **4. Công tác giám sát chỉ đạo sản xuất, bảo toàn và phát triển vốn:**

Năm 2021, HĐQT đã chủ động nắm bắt diễn biến của thị trường, đặc biệt là thị trường trong ngành Than - KS Việt Nam và có các nghị quyết phù hợp để Ban giám đốc phát huy được năng lực điều hành, có điều chỉnh kịp thời để điều hành hoạt động SXKD đạt được các chỉ tiêu kế hoạch phối hợp SXKD với Tập đoàn Công nghiệp Than- KS Việt Nam với các chỉ tiêu chủ yếu:

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	TH/ KH (%)
	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5 (4/3)</i>
1	Doanh thu	Triệu đồng	198.340	189.394	95,4
2	Lao động bình quân	Người	298	268	90
3	Tiền lương bình quân	1000 đ/ng/th	8.010	8.331	104
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	2.500	2.252	90
5	Nộp ngân sách NN	%	100%	100%	

- Lợi nhuận còn lại sau thuế để chờ trích lập các quỹ, trả cổ tức: 1.753 trđ.

- Quản lý vốn: Đã đáp ứng yêu cầu quản lý của công ty, đảm bảo vốn cho Công ty hoạt động và vốn cho xây dựng cơ bản.

- Vốn Điều lệ: Không có sự thay đổi trong năm.

- Vốn Điều lệ tại thời điểm 01/01/2021: 14.325.780.000đồng.

- Vốn Điều lệ cuối kỳ 31/12/2021 : 14.325.780.000đồng.

#### **\* Tổng tài sản:**

Số tính đến 31/12/2021: 165.957.168.086 đồng.

#### **5. Công tác đầu tư XD CB:**

Năm 2021, theo kế hoạch thực hiện đầu tư và xây dựng năm 2021 điều chỉnh được Tập đoàn TKV thông qua. Công ty CP cơ khí Mạo Khê- Vinacomin phải thực

hiện tổng giá trị đầu tư theo kế hoạch là 1.020 Tr.đồng cho các công trình chuyển tiếp; Công trình khởi công mới và công tác chuẩn bị dự án.

\*Kết quả thực hiện:

- Công trình chuyển tiếp: Dự án Đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất 2018: Hạng mục mua sắm hệ thống nung phôi trung tần đã thực hiện xong phần điện, nước làm mát với giá trị thực hiện là 350/850Tr. Đồng.

- Công trình khởi công mới: Đầu tư nâng cấp Hệ thống phần mềm quản lý văn bản nội bộ (Để thực hiện kết nối được trực liên thông văn bản nội bộ TKV), đã thực hiện xong phần cài đặt nâng cấp với giá trị thực hiện là 85/120 Tr. Đồng, phần còn lại phải chờ đầu hệ thống TKV hoàn thiện.

- Công tác chuẩn bị dự án: Đã thực hiện công tác chuẩn bị dự án với giá trị thực hiện là 50/50 Tr.đồng: cho Dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất 2021 với tổng mức đầu tư là: 3.220 Tr. Đồng.

Kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư năm 2021 của Công ty là 496/1.020 Tr. Đồng đạt 49 % theo kế hoạch năm.

Tiếp tục nghiên cứu xem xét lựa chọn chủng loại thiết bị công nghệ phù hợp thị trường, năng lực của Công ty để đầu tư có hiệu quả hơn. Công tác đầu tư xây dựng năm 2021 được triển khai thực hiện theo đúng Nghị quyết của HĐQT, các công trình, hạng mục đầu tư thực hiện, phù hợp với điều kiện của Công ty.

## **II. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2022:**

- Tăng cường đầu tư mở rộng sản xuất; Đổi mới công nghệ chế tạo, nâng cao chất lượng sản phẩm đặc biệt các sản chủ lực của Công ty.

- Tăng cường công tác quản trị chi phí.

- Đầu tư phát triển nguồn nhân lực.

- Tiếp tục tập trung nghiên cứu mở rộng thị trường trong và ngoài tập đoàn TKV; Đặc biệt quan tâm đến công tác nghiên cứu cải tiến công nghệ; phát triển sản phẩm mới; Hoàn thiện thiết kế, chế tạo các sản phẩm mới như giàn chống mòn GM25/35(30/40); Giàn chống tăng cường ngã ba chân chọi; Giá chống ZH1600; ZH1800 để đưa sản phẩm vào tiêu thụ; Duy trì chế tạo, sửa chữa toa xe 30T; Máng cào cỡ lớn đi theo Compai; Cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm hệ thống sàng tuyển chế biến than và khoáng sản; Các sản phẩm truyền thống cho các đơn vị trong và ngoài TKV.

Mục tiêu của HĐQT nhiệm kỳ 2020 - 2025, phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch phối hợp SXKD với Tập đoàn TKV hàng năm: Thu nhập bình quân của người lao động ổn định; bảo toàn và phát triển vốn; sản xuất kinh doanh có lãi; đẩy mạnh đầu tư các dự án trọng điểm nhằm đảm bảo cho sự phát triển bền vững của Công ty.

Trên đây là kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2021 và một số định hướng trong năm 2022; để đạt được những kết quả như vậy là sự phấn đấu không ngừng của các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo và các

phòng ban, phân xưởng trong công ty cùng sự ủng hộ nhiệt tình của các đồng chí lãnh đạo Tập đoàn và các Quý cổ đông trong công ty.

Trong năm 2022, chúng tôi mong tiếp tục được sự đóng góp của các quý vị cổ đông để HĐQT công ty hoạt động tốt hơn, hoàn thành nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao.

Xin trân trọng cảm ơn./.

***Nơi nhận:***

- Cổ đông của Công ty;
- HĐQT, BKS;
- Người UQCBTT;
- UBCKNN; Sở GDCKHN;
- Lưu: VT, TK; Hồ sơ Đại hội.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Trọng Tốt**

Số: /BC-HĐQT

Mạo Khê, ngày tháng 4 năm 2022

**BÁO CÁO**  
**TÀI CHÍNH NĂM 2021 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty CP Cơ khí Mạo Khê - Vinacomin.

Công ty CP Cơ khí Mạo Khê- Vinacomin báo cáo ĐHCĐ về tóm tắt các số liệu chủ yếu của BCTC năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán và phát hành kết quả tại báo cáo kiểm toán BCTC số: 170322.001/BCTC.QN ngày 17 tháng 03 năm 2022.

**Phần thứ nhất**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TÓM TẮT**

*Đơn vị tính: Đồng Việt Nam*

TT	TÀI SẢN	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
<b>I</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>135.825.652.967</b>	<b>121.995.656.181</b>
1	- Tiền và các khoản tương đương tiền	1.603.407.326	2.740.908.656
2	- Các khoản Đầu tư tài chính ngắn hạn		
3	- Các khoản phải thu ngắn hạn	82.910.666.836	65.499.730.962
4	- Hàng tồn kho	50.872.430.703	53.651.763.533
5	- Tài sản ngắn hạn khác	439.148.102	103.253.030
<b>II</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>28.062.080.713</b>	<b>32.499.560.046</b>
1	- Các khoản phải thu dài hạn		
2	- Tài sản cố định	26.117.332.637	31.255.199.536
3	- Tài sản dở dang dài hạn		
4	- Tài sản dài hạn khác	1.944.748.076	1.244.360.510
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>163.887.733.680</b>	<b>154.495.216.227</b>
<b>III</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>148.048.570.283</b>	<b>134.394.618.589</b>
1	- Nợ ngắn hạn	144.769.969.988	129.725.691.628
2	- Nợ dài hạn	3.278.600.295	4.668.926.961
<b>IV</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>15.839.163.397</b>	<b>20.100.597.638</b>
1	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>19.688.048.467</b>	<b>20.037.551.115</b>
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	14.325.780.000	14.325.780.000
	- Thặng dư vốn cổ phần		
	- Vốn khác của chủ sở hữu		
	- Quỹ đầu tư phát triển	3.609.637.505	3.609.637.505



TT	TÀI SẢN	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.752.630.962	2.102.133.610
2	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>(3.848.885.070)</b>	<b>63.046.523</b>
	- Nguồn kinh phí sự nghiệp	-3.848.885.070	63.046.523
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>163.887.733.680</b>	<b>154.495.216.227</b>

**Phần thứ hai**  
**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1- Doanh thu bán hàng và CC DV	<b>189.319.041.815</b>	<b>196.945.785.257</b>
2- Các khoản giảm trừ doanh thu		
3- Doanh thu thuần ( 10 = 01-02)	<b>189.319.041.815</b>	<b>196.945.785.257</b>
4- Giá vốn hàng bán	163.456.250.914	169.197.186.346
5- Lợi nhuận gộp (20=10-11)	<b>25.862.790.901</b>	<b>27.748.598.911</b>
6- Doanh thu hoạt động tài chính	5.185.954	6.986.011
7- Chi phí tài chính	6.168.556.379	6.662.420.513
- Trong đó: Chi phí lãi vay	6.168.556.379	6.662.420.513
8- Chi phí bán hàng	2.437.968.324	2.804.074.650
9- Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.948.660.815	16.078.076.666
10- LN thuần từ HĐKD (30=20+21-22-24-25)	<b>2.312.791.337</b>	<b>2.211.013.093</b>
11- Thu nhập khác	70.509.055	509.346.696
12- Chi phí khác	131.628.190	618.226.179
13- Lợi nhuận khác (40=31-32)	<b>(61.119.135)</b>	<b>(108.879.483)</b>
14- Tổng LN kế toán trước thuế (50=30+40)	<b>2.251.672.202</b>	<b>2.102.133.610</b>
15- Chi phí thuế TNDN hiện hành	499.041.240	
16- Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
17- Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	<b>1.752.630.962</b>	<b>2.102.133.610</b>
18- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	1.223	1.467

**Phần thứ ba**  
**CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN**

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Kỳ trước
<b>1</b>	<b>Cơ cấu tài sản</b>		
	- Tài sản dài hạn / Tổng tài sản (%)	17,12	21,04
	- Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản (%)	82,88	78,96
<b>2</b>	<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>		
	- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn (%)	90,34	86,99
	- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn (%)	9,66	13,01
<b>3</b>	<b>Khả năng thanh toán (lần)</b>		
	- Khả năng thanh toán hiện thời	0,94	0,94
	- Khả năng thanh toán nhanh	0,59	0,53
<b>4</b>	<b>Tỷ suất lợi nhuận (%)</b>		
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	0,93	1,07
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	1,07	1,36
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn CSH	11,44	10,49
<b>5</b>	<b>Hệ số nợ /Vốn chủ sở hữu (lần)</b>	7,52	6,71

Hội đồng quản trị Công ty CP Cơ Khí Mạ Khê - Vinacomin báo cáo đại hội./.

**Nơi nhận:**

- Các cổ đông Công ty;
- UBCKNN, Sở GDCKHN;
- Các thành viên HĐQT, BKS;
- Phòng CV (CBTT, và đăng trên Website);
- Lưu: Hồ sơ đại hội.

**THÀNH VIÊN HĐQT**  
**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Hải Long**

Số: /TTr-CKMK

Quảng Ninh, ngày tháng 4 năm 2022

**TỜ TRÌNH**  
**Về việc phân phối lợi nhuận năm 2021**

Kính gửi: Quý cổ đông

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;  
Căn cứ Điều lệ Công ty;  
Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty năm 2021;  
Hội đồng quản trị đề xuất phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

STT	Nội dung	Số tiền (Đồng)
<b>I</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>2.251.672.202</b>
1	Trích nộp thuế TNDN	499.041.240
<b>II</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>1.752.630.962</b>
1	Chia cổ tức: 7% vốn điều lệ	1.002.804.600
2	Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích nội dung (1)	749.826.362
2.1	Trích quỹ đầu tư phát triển: 0%	0
2.2	Quỹ thưởng viên chức quản lý ( $\leq$ 1,5 tháng lương thực hiện của viên chức quản lý năm 2021)	78.592.750
2.3	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ( $\leq$ 03 tháng lương thực hiện của Công ty năm 2021)	
-	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	671.233.612

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Các cổ đông của Công ty;
- UBCKNN và Sở GDCKHN;
- Các thành viên HĐQT, BKS;
- Ban Giám đốc; Kế toán trưởng;
- Lưu: VP, TK, Hồ sơ đại hội.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Trọng Tốt**

Số: /BC-CKMK

Quảng ninh, ngày tháng 3 năm 2022

**BÁO CÁO**  
**Về việc chi trả thù lao, tiền lương**  
**của HĐQT, BKS, Người quản lý Công ty năm 2021 và dự kiến năm 2022**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ Công ty CP Cơ khí Mạo Khê -Vinacomin;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2021;

Căn cứ kết quả SXKD và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của thành viên HĐQT, thành viên BKS và viên chức quản lý Công ty;

Hội đồng quản trị Công ty báo cáo việc thực hiện chi trả tiền lương và thù lao cho HĐQT, BKS và các viên chức quản lý như sau:

**1. Chi trả tiền lương, thù lao HĐQT, BKS, Ban Giám đốc, kế toán trưởng Công ty năm 2021:**

*DVT: Triệu đồng*

STT	Chức danh	Số người	Tổng số	Trong đó		Ghi chú
				Lương	Thù lao	
1	Hội đồng Quản trị	5	271,9		271,9	Kiểm nhiệm
2	Thành viên BKS	2	96,0		96	Kiểm nhiệm
3	Trưởng BKS	1	302,9	302,9		Chuyên trách
4	Người quản lý (01 GD, 02 PGĐ)	3	640,1	640,1		GD, PGĐ kiêm thành viên HĐQT
<b>Tổng số</b>			<b>1.310,9</b>	<b>943</b>	<b>367,9</b>	

**2. Kế hoạch thù lao HĐQT, BKS và tiền lương người quản lý năm 2022:**

Căn cứ Điều 6, Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện nghị định số 53/2016/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1387/QĐ- TKV ngày 29/7/2019 của Tổng Giám đốc Tập đoàn TKV về hướng dẫn cơ chế trả lương áp dụng trong TKV. Theo đó mức tiền thù lao cho thành viên HĐQT, BKS kiêm nhiệm sẽ được quyết toán và hưởng tối đa bằng 20% mức tiền lương bình quân kế hoạch của chức danh quản lý chuyên trách.

Căn cứ kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2022 giữa Tập đoàn với Công ty tại Công văn số 6050/TKV-KH ngày 27/12/2021 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.

Hội đồng quản trị Công ty đề xuất mức tiền lương kế hoạch và quỹ tiền lương kế hoạch năm 2022 của các chức danh Người quản lý Công ty và tiền thù lao cho HĐQT, BKS năm 2022 của Công ty như sau:

(i) Thù lao của các thành viên HĐQT và BKS kiêm nhiệm

TT	Chức danh	Mức lương (đ) /01 tháng x 20%	Mức thù lao (đ/người/tháng)
1	Chủ tịch HĐQT (01 người)	25.700.000 x 20%	5.140.000
2	Thành viên HĐQT (04 người)	21.900.000 x 20%	4.380.000
3	Thành viên BKS (02 người)	20.000.000 x 20%	4.000.000

(ii) Mức Tiền lương của Người quản lý Công ty

STT	Chức danh	Số người	Kế hoạch (Tr.đồng/năm)	Ghi chú
1	Giám đốc	1	356	
2	Phó Giám đốc; Trưởng ban kiểm soát	2	645	
3	Kế toán trưởng	0	-	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>3</b>	<b>1001</b>	

(iii) Tổng mức tiền lương và thù lao Công ty trả cho các thành viên HĐQT, BKS kiêm nhiệm chức vụ và lương của Người quản lý Công ty:

TT	Chức danh quản lý	Số người	Tiền thù lao (Tr.đ /năm)	Tiền lương (Tr.đ/năm)
1	Chủ tịch HĐQT	01	61,680	-
2	Thành viên HĐQT	04	210,240	-
3	Trưởng BKS chuyên trách	01	-	330
4	Thành viên BKS kiêm nhiệm	02	96,000	-
5	Giám đốc	01	-	356
6	Phó giám đốc	02	-	315
7	Kế toán trưởng	0	-	-
	<b>Tổng cộng</b>		<b>367,920</b>	<b>1001</b>

### Phương thức chi trả thù lao và tiền lương

Hàng tháng, tạm chi 80 % mức tiền thù lao tháng theo kế hoạch, số còn lại được quyết toán trên cơ sở kết quả hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh

và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các thành viên HĐQT, BKS và cán bộ quản lý Công ty.

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

***Nơi nhận:***

- HĐQT, BKS;
- Cổ đông của Công ty;
- Người UQCBTT;
- Website Công ty;
- Lưu: VT; Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
TV HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Hải Long**

(\*) Sau Đại hội căn cứ nghị quyết ra quyết định chi trả thù lao năm trước để làm quyết toán (căn cứ vào BB xác định hoàn thành KHSXKD giữ TKV với Công ty để có quỹ lương thực hiện năm trước) và ra Quyết định mức thù lao theo KH để tạm ứng hàng tháng.

Số /BC-CKMK

Mạo Khê, ngày tháng 3 năm 2022

**BÁO CÁO**  
**Thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát**  
**tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/ tháng 6 năm 2020.

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty CP cơ khí Mạo Khê - Vinacomín.

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát quy định tại Điều lệ Công ty. Ban Kiểm soát báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2021 như sau:

**Phần thứ nhất: Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2021:**

Năm 2021, Ban kiểm soát công ty đã thực hiện đầy đủ quyền và nhiệm vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, đã tiến hành các hoạt động sau:

- Xây dựng kế hoạch công tác năm 2021 và triển khai các nhiệm vụ kiểm soát theo kế hoạch.
- Giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý công ty thông qua việc thực hiện các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021; tình hình thực hiện hợp đồng phối hợp kinh doanh giữa Giám đốc công ty với Tập đoàn.
- Kiểm tra việc thực hiện các quyết định của HĐQT, Ban Giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ SXKD, trong việc triển khai kế hoạch đầu tư.
- Kiểm tra việc điều hành và thực hiện kế hoạch SXKD theo từng tháng, quý, đánh giá mức độ hoàn thành.
- Kiểm tra việc thực hiện công tác kế toán thống kê, theo chế độ báo cáo. Kiểm tra công tác hạch toán kế toán, ghi chép nghiệp vụ kinh tế phát sinh và kết quả hoạt động SXKD.
- Giám sát các đơn vị trong công ty đối với việc thực hiện các quy định, quy chế nội bộ của công ty.
- Kiểm tra việc thực hiện mua sắm TSCĐ, tình hình trích khấu hao TSCĐ và quản lý tài sản, kiểm tra việc mua sắm vật tư phục vụ sản xuất.
- Kiểm tra việc thực hiện các chế độ với ngân sách nhà nước, tình hình phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ.
- Tham gia các cuộc họp của HĐQT và Ban Giám đốc với tinh thần trách nhiệm, khách quan về các nội dung của cuộc họp.
- Kiểm tra và thẩm định các Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính hàng quý, năm và các báo cáo có liên quan đảm bảo các số liệu phản ánh được tin cậy.

Trong quá trình hoạt động, các thành viên Ban Kiểm soát đã thường xuyên trao đổi với các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty để nắm bắt những vấn đề, sự



kiện phát sinh liên quan đến quá trình hoạt động của Công ty. Từ đó đưa ra những đề xuất, kiến nghị phù hợp với điều kiện SXKD của Công ty.

## Phần thứ 2: Kết quả Giám sát

**1. Thực trạng tài chính, thực hiện các dự án đầu tư (bao gồm cả đầu tư ra ngoài doanh nghiệp), tình hình sử dụng lao động**

### 1.1. Thực hiện kế hoạch SXKD năm 2021.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm	Thực hiện		So sánh (%)	
				Năm trước	Năm nay	Năm trước	KH năm
A	B	Cái	1	2	3	4=3/2	5=3/1
<b>I</b>	<b>Sản phẩm chủ yếu</b>						
<b>I.1</b>	<b>Sửa chữa thiết bị</b>	<b>Tấn</b>	<b>810</b>	<b>1354</b>	<b>1247</b>	<b>92,1</b>	<b>154,0</b>
-	Máy xúc đá	Cái	9	3	3	100,0	33,3
-	Tàu điện	Cái	5	3	8	266,7	160,0
-	Toa xe 30 tấn	Cái	23	60	43	71,7	187,0
-	Sàng các loại	Cái	13	12	1	8,3	7,7
-	Giàn mềm	Bộ	50		200		400,0
-	Băng tải	Bộ	4		7		175,0
-	Cấp liệu lắng	Cái	3				
-	Thiết bị khác	Cái	10	68	27	39,7	270,0
<b>I.2</b>	<b>Chế tạo thiết bị</b>	<b>Tấn</b>	<b>1.415</b>	<b>1529</b>	<b>846</b>	<b>55,3</b>	<b>59,8</b>
-	Máng cào các loại	Bộ	34	35	7	20,0	20,6
-	Xe goòng các loại	Cái	250	484	207	42,8	82,8
-	Ghi đường sắt	Bộ	110	114	84	73,7	76,4
-	Sàng rung + TB tuyển	Cái	11	20	14	70,0	127,3
-	Cấp liệu lắng	Cái	3	6	1	16,7	33,3
-	Băng tải	Bộ	4	9		0,0	
-	Giàn mềm	Bộ	200				
-	Giàn chống khám	Bộ	200		90		45,0
<b>I.3</b>	<b>Chế tạo phụ tùng</b>	<b>Tấn</b>	<b>2.542</b>	<b>2500</b>	<b>2392</b>	<b>95,7</b>	<b>94,1</b>
-	Xích máng cào các loại	Mét	68.000	71.387	61.210	85,7	90,0
-	Cầu máng cào các loại	Cái	5.800	6.479	5.538	85,5	95,5
-	Hàng cơ khí khác	Tấn	1.025	863	990	114,7	96,6
<b>II</b>	<b>Doanh thu</b>	<b>Tr.đ</b>	<b>198.340</b>	<b>197.462</b>	<b>189.394</b>	<b>95,9</b>	<b>95,5</b>
1	Doanh thu sản xuất cơ khí	„	198.340	196.946	183.613	93,2	92,6
2	Doanh thu KHCN				5.705		

3	Doanh thu tài chính			7	5		
4	Doanh thu khác.	„		509	71	13,9	
<b>III</b>	<b>Giá vốn</b>	"	<b>3.140</b>	<b>6.045</b>	<b>8.183</b>	<b>135,4</b>	<b>260,6</b>
<b>IV</b>	<b>Giá trị sản xuất</b>	"	<b>195.200</b>	<b>191.062</b>	<b>178.313</b>	<b>93,3</b>	<b>91,3</b>
<b>V</b>	<b>Tổng chi phí</b>	"	<b>195.840</b>	<b>195.360</b>	<b>178.959</b>	<b>91,6</b>	<b>91,4</b>
<b>1</b>	<b>Chi phí trung gian</b>	„	<b>155.824</b>	<b>157.894</b>	<b>143.131</b>	<b>90,7</b>	<b>91,9</b>
<b>2</b>	<b>Giá trị gia tăng</b>	„	<b>38.531</b>	<b>37.466</b>	<b>35.828</b>	<b>95,6</b>	<b>93,0</b>
-	Tiền lương	„	28.650	28.557	26.794	93,8	93,5
+	Tiền lương từ SXKD		28.650	28.557	25.815	90,4	90,1
	<i>Trong đó: Quỹ lương VCQL</i>	„	<i>1.322</i>	<i>1.235</i>	<i>943</i>	<i>76,4</i>	<i>71,3</i>
+	Tiền lương từ KHCN				979		
-	BHXH, BHYT, KPCĐ	„	4.711	4.119	4.178	101,4	88,7
-	Khấu hao TSCĐ	„	5.170	4.790	4.594	95,9	88,9
-	Ăn công nghiệp	"	1.485		1.241		83,6
<b>3</b>	<b>Kết chuyển CPĐ và TK</b>		<b>3.140</b>	<b>6.054</b>	<b>8.183</b>	<b>135,2</b>	<b>260,6</b>
<b>V</b>	<b>Lợi nhuận</b>	"	<b>2.500</b>	<b>2.102</b>	<b>2.252</b>	<b>107,1</b>	<b>90,1</b>
<b>VI</b>	<b>Lao động và tiền lương</b>						
1	Đơn giá tiền lương/GTSX	đ/ngđ	140	140,0	140,0	100	100
2	Lao động bình quân	Người	298	299	268	89,6	89,9
3	Tiền lương bình quân tháng	Ng. đ	8.010	7.959	8.331	104,7	104,0

### Đánh giá chung về tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh:

- Các sản phẩm chủ yếu đều không đạt được như kỳ vọng, đặc biệt chế tạo và cung cấp thiết bị cho khách hàng đạt thấp. Một số sản phẩm như Băng tải, giàn mềm, giàn chống khám gần như không có.

- Doanh thu đạt 95,5% kế hoạch. Năm thứ 2 giảm liên tiếp.

### 1.2. Thực trạng tài chính tại thời điểm ngày 31/12/năm 2021.

Biểu xác định một số chỉ tiêu tài chính.

TT	CHỈ TIÊU	Kế hoạch năm	Thực hiện		So sánh (%)	
			Năm trước	Năm Nay	Năm trước	Kế hoạch
1	Hệ số về khả năng thanh toán					
a	Hệ số khả năng thanh toán hiện thời	0,93	0,94	0,94	99,81	101
b	Hệ số khả năng thanh toán nhanh		0,53	0,59	110,72	
2	Hệ số phản ánh cơ cấu nguồn vốn					
a	Hệ số nợ / Vốn Chủ sở hữu	6,8	6,7	7,5	111,97	110,4

b	Hệ số nợ / Vốn Điều lệ		9,38	10,3	110,18	
4	Hệ số về khả năng sinh lời					
a	Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (%)		1,07	0,93	86,52	
b	Tỷ suất sinh lời của tài sản (%)		1,36	1,07	78,63	
c	Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (%)		11,72	9,77	83,37	

a. Đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu tài chính năm 2021:

+ Lợi nhuận trước thuế : 2.252 triệu đồng, bằng 90,1% kế hoạch năm, bằng 107,1% so với năm trước.

+ Lợi nhuận sau thuế: 1.753 tr. đồng bằng 83,4% so với năm trước.

Nguyên nhân lợi nhuận không đạt kế hoạch:

- Dịch bệnh bùng phát và kéo dài, Công ty phát sinh thêm khoản chi phí cho phòng chống dịch.

- Thiếu việc làm đặc biệt 9 tháng đầu năm, giá trị sản xuất và doanh thu đạt quá thấp. Tổng doanh thu cả năm đạt 95,5% kế hoạch , bằng 96% so với năm trước.

+ Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu đạt 7,5 lần, bằng 111,4% kế hoạch , bằng 112% so với năm trước.

+ Hệ số khả năng thanh toán đạt 0,94 lần, bằng 101% so với kế hoạch năm, bằng 100% so với năm trước.

+ Dư vay ngắn hạn tại ngày 31/12/2021: 63.165 tr. đồng.

Mức vay ngắn hạn bình quân năm: 67.450 tr. đồng, bằng 122,6 % kế hoạch.

+ Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) năm đạt 9,77% bằng 83,37 % so với năm trước.

Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA) năm đạt 1,07% bằng 78,63% so với năm trước.

b. Các chỉ tiêu tài chính không đạt kế hoạch được giao và thấp hơn so với cùng kỳ năm trước.

### 1.3. Thực hiện các dự án đầu tư:

- Không có dự án, hạng mục hoàn thành trong năm

### 1.4. Tình hình sử dụng lao động

- **Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty:** Tại thời điểm 31/12/2021: Cơ cấu tổ chức Công ty gồm 03 phân xưởng và 05 phòng ban, biên chế lao động cơ bản phù hợp với mô hình mẫu của Tập đoàn.

- **Bố trí lao động:**

LĐ theo khu vực SX	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện	Ghi chú
1. Lao động công nghệ	233	212	
2. LĐ phụ trợ, phục vụ	25	28	
3. Lao động quản lý	40	35	

- Người quản lý	4	3	
- LĐ quản lý	36	32	
<b>Tổng cộng</b>	<b>298</b>	<b>275</b>	

- Lao động bình quân sử dụng trong kỳ 268 người, bằng 89,9% kế hoạch, bằng 89,6% so với cùng kỳ năm trước.

## **2. Kết quả kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong công tác kế toán, thống kê và báo cáo tài chính**

### **2.1. Về công tác kế toán:**

- Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ.

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên.

- Phương pháp phân bổ chi phí chung: Theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

### **2.2. Về quản lý tài sản cố định:**

- Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ: theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

- Phương pháp khấu hao: Theo đường thẳng.

- Tỷ lệ và mức trích khấu hao nằm trong khung quy định.

+ Tình hình biến động của TSCĐ trong năm (theo nguyên giá TSCĐ):

- Không có biến động.

### **2.3. Công tác sửa chữa TSCĐ:**

- Sửa chữa lớn TSCĐ: Không

### **2.4. Quản lý công nợ phải thu, phải trả, vay và thuê tài chính:**

#### **+ Các khoản phải thu ngắn hạn:**

Dư đầu năm: 65.500 tr. đồng; Dư cuối kỳ: 82.911 tr. đồng; tăng 17.412 tr. đồng. Chủ yếu là phải thu ngắn hạn của khách hàng

Nguyên nhân: Do tập trung tiêu thụ vào tháng 12 nên chưa thu hồi được nợ vào thời điểm cuối năm.

Tồn tại:

- Một số khách hàng có số dư Nợ phải thu quá hạn với giá trị lớn, thời gian kéo dài. Chi tiết như sau:

Số TT	Tên khách hàng	Nợ phải thu đầu năm	Nợ phải thu cuối kỳ	Thời gian nợ quá hạn
1	Công ty CP đầu tư khoáng sản và dịch vụ - Vinacomin	3.933.451.500	833.451.500	Trên 1 năm
2	Công ty CP XNK COLIMEX 6	2.056.075.000	1.756.075.000	Trên 3 năm
3	Công ty CP đầu tư thương mại và xây dựng Hoàng Lân	564.338.719	534.338.719	Trên 3 năm
4	Công ty TNHH 1 thành viên 27	12.313.950	12.313.950	Trên 3 năm
5	Công ty CP đầu tư xây dựng số 4	3.244.133.019	3.244.133.019	Trên 2 năm
	<b>Tổng cộng</b>	<b>10.997.681.408</b>	<b>6.380.312.188</b>	

- Khoản nợ phải thu khác do cho Công ty than Nam Mẫu vay 04 bộ Máng cào: Giá vốn 1.225 tr. đồng. HĐQT Công ty đã quyết định yêu cầu các cá nhân có liên quan phải bồi thường. Tại ngày 01/1/2021 số dư đang theo dõi tại chỉ tiêu này là giá gốc vật tư còn phải bồi thường số tiền là: 952,3 tr. đồng. Năm 2021 không thu được gì. Như vậy, tiến độ thu khoản này chưa thực hiện đúng theo kế hoạch. Phần giá gốc còn lại cũng không thể đánh giá được khả năng thu hồi một cách chắc chắn.

**+ Khoản phải trả người bán ngắn hạn:**

Dư đầu năm: 58.303 tr. đồng; Dư cuối kỳ: 70.784 tr. đồng; tăng 12.481 tr. đồng.

Nguyên nhân: Do tập trung mua hàng hóa dịch vụ phục vụ sản xuất tháng 12 tăng cao.

**+ Vay và thuê tài chính:** -tình hình vay và sử dụng vốn vay:

Nội dung	Dư đầu năm	PS Tăng	PS Giảm	Dư cuối kỳ
1. Vay ngắn hạn	61.674	151.766	150.275	63.165
Trong đó: Vay Ngân hàng	48.719	146.741	145.062	50.398
Vay cá nhân	12.955	5.025	5.213	12.767
3. Vay dài hạn	6.623	1.530	3.588	4.565
<b>Tổng cộng</b>	<b>68.298</b>	<b>153.296</b>	<b>153.863</b>	<b>67.730</b>

- Dư vay ngắn hạn tại ngày 31/12: 63.165 tr. đồng.

- Mức vay ngắn hạn bình quân năm: 67.450 tr. đồng, bằng 122,6 % kế hoạch.

- Tổng chi phí lãi vay trong kỳ: 6.168 tr. đồng.

Trong đó: Lãi vay ngắn hạn: 5.558 tr. đồng.

Lãi vay trung hạn 610 tr. đồng.

- Sử dụng vốn vay: Đúng mục đích.

- Việc sử dụng vốn huy động và hiệu quả mang lại: Đảm bảo cho sản xuất kinh doanh diễn ra liên tục.

**2.5. Về công tác quản lý, mua sắm, sử dụng vật tư:**

Tình hình nhập xuất tồn vật tư trong kỳ như sau:

Nội dung	Dư đầu năm	PS Tăng	PS Giảm	Dư cuối kỳ
----------	------------	---------	---------	------------

1. Nguyên vật liệu	13 458	126 622	121 191	18 889
- Nguyên vật liệu chính	12 314	123 149	117 870	17 593
- Nhiên liệu	25	2 462	2 443	44
- Phụ tùng	1119	1011	878	1252
2. Công cụ dụng cụ	927	3108	3135	900

- Công ty đã thực hiện việc mua sắm vật tư, hàng hóa theo Quy chế đã ban hành. Về cơ bản đã tuân thủ theo các quy định như chào hàng cạnh tranh, đấu thầu và các quy định của Pháp luật.

Tồn tại:

- Lượng vật tư mua dùng cho sản xuất thường xuyên dư thừa gây tồn kho lớn, nhiều chủng loại bị ứ đọng, chậm luân chuyển.

+ Tồn kho vật tư vượt định mức (15,58% so với định mức 6%, vượt hơn 2,5 lần)

- Một số vật tư tồn kho, chậm luân chuyển có dấu hiệu kém, mất phẩm chất không được xem xét xử lý có thể gây tổn thất tài chính.

## 2.6. Công tác thuê ngoài:

Công ty có thuê ngoài một số dịch vụ đáp ứng yêu cầu của sản xuất (Do không có đủ năng lực thực hiện).

Nội dung công việc thực hiện chủ yếu : thuê ngoài vận chuyển phục vụ giao hàng, sửa chữa phụ tùng toa xe 30 tấn.

## 2.7. Công tác quản lý sử dụng quỹ tiền lương, quỹ khen thưởng phúc lợi.

+ Sử dụng quỹ tiền lương:

Nội dung	Dư đầu năm	PS Tăng	PS Giảm	Dư cuối kỳ
Tổng số	3 284	26 010	24 750	4 545
Trong đó: Lương NLĐ	2 892	25 067	23 723	4 236
Lương VCQL	392	943	1 027	308

- Tiền lương chi cho các đối tượng quản lý và phục vụ còn cao (chiếm >70 tiền lương sản phẩm).

+ Sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi: Phù hợp với quy chế.

## 2.8. Công tác quản lý ĐTXD:

- Thực hiện đầu tư theo kế hoạch: Không có hạng mục hoàn thành tăng tài sản trong năm.

## 2.9. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang:

+ Dư đầu năm: 38.378 tr.đồng; Dư cuối kỳ: 31.082 tr.đồng; giảm 7.296 tr.đồng.

- Khoản mục chi phí sản xuất dở dang ghi nhận một số sản phẩm, công trình dở dang kéo dài, khó tiêu thụ gây tổn thất tài chính.

TT	Tên sản phẩm, công trình	Dư đầu năm	Dư cuối năm
1	Bích giữa 704-122C8	138.592.968	138.592.968
2	Sàng rung SR 62	406.522.849	354.833.484
3	Ru lô đầu băng, đuôi băng, cụm ru lô chuyển hướng	495.556.954	495.556.954

4	Cấp liệu lác 400T/h	725.793.925	554.911.282
5	Phụ tùng máng cào theo máy khâu	728.271.132	565.225.304
	Tổng cộng	2.494.737.828	2.109.119.992

- Tại kho bán thành phẩm đang ghi nhận một số bán thành phẩm sản xuất tồn kho lâu ngày nay đã lạc hậu, kém, mất phẩm chất, khó tiêu thụ, khó thu hồi được vốn.

TT	Tên sản phẩm, công trình	ĐV	SL	Giá trị
1	Sửa chữa tời trục mỏ SJ - 1600 số 1 Mạo Khê	cái	1	37.063.263
2	Bộ khung đầu máng cào MC280/7,5	Bộ	1	79.671.665
3	Bộ khung đuôi máng cào MC280/7,5	Bộ	1	14.938.511
4	Bích giữa 704 - 122C8	Cái	225	37.960.317
5	Cầu máng cào 280/7,5	Cầu	92	80.483.078
6	Cầu máng cào trung gian MC 280/7,5	Cầu	2	1.325.805
7	Cầu máng cao trung gian MC 280/7,5 ( L = 0,3m)	Cầu	2	677.294
8	Cầu máng cào 630/2x75, L =1,2m	Cầu	65	267.091.762
9	Cầu nối đầu MC 280/7,5	Cầu	2	1.899.728
10	Cầu máng cào chuyển tiếp đuôi MC 630/190	Cầu	1	4.699.794
11	Cầu máng cào chuyển tiếp đầu MC 630/190	Cầu	1	4.546.866
12	Đầu nối trục bộ làm mát xi	cái	3	98.862.619
13	Giàn chống cơ giới hóa VIN 16/24K	Bộ	1	196.290.504
14	Gối đỡ phụ máng cào 280/7,5	Cái	1	1.931.846
15	Gối đỡ phụ MC 320/17	Cái	6	13.757.734
16	Gối đỡ trục gỗ - NĐ Đông Triều	Cái	10	3.273.752
17	Giá kê sản phẩm - Cty TNHH 1TV 27	cái	60	122.520.828
18	Khung đầu máng cào 280/7,5	cái	1	3.852.077
19	Khung đuôi MC 280/7,5	Cái	1	2.003.990
20	Máy nhật đá trên băng	Cái	1	149.595.031
21	Máy trộn than MTT 60/22	cái	1	189.147.604
22	Máy tẩm	Cái	1	71.145.115
23	Nhà điều hành Tập đoàn than tại Quảng Ninh	CT	1	2.997.840.427
24	Chi tiết kết cấu thép mái sảnh, mái dốc	Cái	136	900.143.885
25	Phụ tùng tang tuyến huyền phù tự sinh	Cái	9	15.649.090
26	Ru lô đuôi MC 320/17B	Cái	5	13.195.119
27	Ru lô đuôi MC 280/7,5	Cái	1	1.646.924
28	Sửa chữa tang tuyến HSTS	Cái	1	655.841.257
29	Sửa chữa HGT quang lật nghiêng	Cái	1	55.658.020
30	Sửa chữa xe chở người lò nghiêng XRB	Toa	3	342.846.483

### 3. Việc chấp hành và thực hiện các quy chế, quy định, quyết định, kỷ luật điều hành của TKV tại Công ty.

3.1. Đối với Hội đồng quản trị: Thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Luật DN, Điều lệ TCHĐ và Quy định của TKV. Đầu năm đã xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động trong năm và tổ chức thực hiện các nội dung theo chương trình đề ra. Thực hiện Phân công theo dõi từng lĩnh vực quản lý, sản xuất kinh doanh phù hợp với năng lực, kinh nghiệm của từng thành viên.

- Duy trì các cuộc họp thường kỳ và đột xuất nhằm đảm bảo nắm bắt tình hình hoạt động của công ty, kịp thời đưa ra các quyết sách phù hợp đối với những vấn đề quan trọng của Công ty.

- Chỉ đạo và giám sát Giám đốc tăng cường công tác quản lý, tăng cường việc khắc phục những tồn tại theo kiến nghị của Ban Kiểm soát công ty.

Tồn tại:

- Chậm kiện toàn và bố trí cán bộ quản lý theo thẩm quyền. (Khuyết Kế toán trưởng 2 năm)

3.2. Đối với Ban lãnh đạo điều hành: Đã tổ chức và chỉ đạo thực hiện sản xuất kinh doanh đúng với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tuân thủ pháp luật và các quy định tại Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội cổ đông và các quy định của TKV. Thực hiện các công việc quản lý điều hành công ty theo quy định.

Tuy nhiên còn một số tồn tại sau:

+ Một số lĩnh vực quản lý chưa được quản trị chặt chẽ như: Vật tư tồn kho vượt định mức, sản phẩm dở dang, tồn đọng lớn không tiêu thụ được, công nợ phải thu quá hạn lớn, kéo dài, vay vốn lưu động vượt định mức.

+ Chỉ đạo và tổ chức thực hiện các công việc quản lý công ty chậm.

### 4. Cảnh báo những rủi ro trong kinh doanh của Công ty

Theo đánh giá của Kiểm soát viên Công ty. Tình hình tài chính của công ty ngày càng khó khăn do sản xuất bị suy giảm; Vay nợ nhiều, chi phí lãi vay lớn. Sản xuất kinh doanh ít hiệu quả.

Công ty cần lưu ý một số tồn tại, tiềm ẩn rủi ro sau đây:

- Thực hiện thu hồi các khoản nợ quá hạn rất chậm gây tổn thất tài chính dẫn đến khả năng mất vốn kinh doanh.

- Một số vật tư tồn kho, chậm luân chuyển có dấu hiệu kém, mất phẩm chất không được xem xét xử lý có thể gây tổn thất tài chính.

- Một số sản phẩm, công trình dở dang kéo dài nhiều năm không tiêu thụ được dẫn đến hư hỏng, kém phẩm chất gây tổn thất tài chính, không đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh.

### 5. Các vấn đề khác theo quy định:

Đề nghị/kiến nghị Công ty:

1. Khẩn trương hoàn thiện các quy chế quản lý để áp dụng điều hành công ty.

2. Tăng cường công tác quản trị công ty trên các lĩnh vực:

2.1. Công nợ:

- Tích cực thu hồi công nợ đặc biệt là các khoản nợ quá hạn dài ngày.



## 2.2. Công tác vật tư và Hàng tồn kho:

- Thực hiện việc mua sắm vật tư đảm bảo đủ cho sản xuất, giảm tồn kho.
- Rà soát, đánh giá và sử lý những vật tư ứ đọng, sản phẩm dở dang, bán thành phẩm tồn đọng lâu ngày có dấu hiệu kém phẩm chất sử lý theo quy định.

### **Phần thứ 3: Phương hướng hoạt động của BKS trong năm 2021:**

- Thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ mà Điều lệ Công ty đã quy định. Thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty. Giám sát tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Kiểm tra tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông , Nghị quyết của HĐQT, tham gia với HĐQT, Ban Giám đốc về các ý kiến chuyên môn nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và tài sản của Công ty, bảo toàn vốn cho các cổ đông.

- Tăng cường kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp , tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán thống kê và lập báo cáo tài chính. Thẩm định báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính hàng quý. Kiểm soát nhằm hạn chế rủi ro và gian lận trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trên đây là báo cáo của Ban Kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022. Ban kiểm soát trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn HĐQT, Ban Giám đốc, đặc biệt là các cổ đông đã luôn tin tưởng và tạo điều kiện để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ. Kính chúc các quý vị dồi dào sức khỏe, hạnh phúc và thành công trong cuộc sống, luôn dành thật nhiều tâm huyết cho sự phát triển của Công ty./.

#### ***Nơi nhận:***

- Các cổ đông của Công ty;
- Các thành viên HĐQT, BKS;
- Người công bố TT;
- Lưu: VP, BKS, Hồ sơ đại hội.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**

**Lê Hồng Quang**

Số /BC-CKMK

Mạo Khê, ngày tháng 3 năm 2022

**BÁO CÁO**  
**Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2021**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty CP cơ khí Mạo Khê - Vinacomin.

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty cổ phần cơ khí Mạo Khê - Vinacomin đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH hãng Kiểm toán AASC - Chi nhánh Quảng Ninh.

Ban Kiểm soát đã tiến hành kiểm tra việc ghi chép, hạch toán, phản ánh số liệu trên sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính theo chế độ kế toán ban hành theo quyết định số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính. Qua soát xét Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán và các sổ sách, chứng từ kế toán. Ban Kiểm soát Công ty nhận thấy:

- Phương pháp thực hiện kiểm toán, các chuẩn mực kiểm toán, kế toán và chế độ tài chính Công ty áp dụng lập Báo cáo tài chính năm 2021 đảm bảo đúng chế độ quy định.

- Công tác hạch toán kế toán không có sai sót trọng yếu.

- Sổ sách lưu trữ đầy đủ, đúng chế độ.

- Công tác kiểm kê tài sản, đối chiếu công nợ đầy đủ.

Tồn tại: Một số khoản nợ xấu có giá trị lớn kéo dài.

1. Khoản mục Phải thu ngắn hạn của khách hàng trên Bảng cân đối kế toán ghi nhận một số khoản nợ quá hạn lớn, thời gian kéo dài không được trích lập dự phòng.

Chi tiết như sau:

Số TT	Tên khách hàng	Nợ phải thu cuối kỳ	Thời gian nợ quá hạn
1	Công ty CP đầu tư khoáng sản và DV - Vinacomin	833.451.500	Trên 1 năm
2	Công ty CP XNK COLIMEX 6	1.756.075.000	Trên 3 năm
3	Công ty CP đầu tư thương mại và XD Hoàng Lân	534.338.719	Trên 3 năm
4	Công ty TNHH 1 thành viên 27	12.313.950	Trên 3 năm
5	Công ty CP đầu tư xây dựng số 4	3.244.133.019	Trên 2 năm
	<b>Tổng cộng</b>	<b>6.380.312.188</b>	

2. Khoản nợ phải thu khác do cho Công ty than Nam Mẫu vay 04 bộ Máng cào: Giá vốn 1.225 tr. đồng. HĐQT Công ty đã quyết định yêu cầu các cá nhân có liên quan phải bồi thường. Tại ngày 01/1/2021 số dư đang theo dõi tại chỉ tiêu này là giá gốc vật tư còn phải bồi thường số tiền là: 952,3 tr. đồng. Năm 2021 không thu được gì. Như vậy, tiền

độ thu khoản này chưa thực hiện đúng theo kế hoạch. Phần giá gốc còn lại cũng không thể đánh giá được khả năng thu hồi một cách chắc chắn.

Ngoại trừ yếu tố ảnh hưởng nêu trên, Báo cáo tài chính đã trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2021 và kết quả kinh doanh năm 2021 của Công ty. (Số liệu Báo cáo tài chính được công bố như Biểu kèm theo)

***Nơi nhận:***

- Các cổ đông của Công ty;
- Các thành viên HĐQT, BKS;
- Người công bố TT;
- Lưu: VP, BKS, Hồ sơ đại hội.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**

**Lê Hồng Quang**

**Biểu số 1: BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu	MS	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100	135.825.652.967	121.995.656.181
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1.603.407.326	2.740.908.656
1. Tiền	111	1.603.407.326	2.740.908.656
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	82.910.666.836	65.499.730.962
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	81.050.217.863	63.709.797.171
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	562.386.180	319.327.900
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	1.298.062.793	1.470.605.891
IV. Hàng tồn kho	140	50.872.430.703	53.651.763.533
1. Hàng tồn kho	141	50.872.430.703	53.651.763.533
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	439.148.102	103.253.030
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	300.511.755	33.098.808
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	138.636.347	70.154.222
B. Tài sản dài hạn	200	28.062.080.713	32.499.560.046
II. Tài sản cố định	220	26.117.332.637	31.255.199.536
1. Tài sản cố định hữu hình	221	25.803.798.379	30.669.065.278
- Nguyên giá	222	104.306.265.169	104.306.265.169
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	-78.502.466.790	-73.637.199.891
3. Tài sản cố định vô hình	227	313.534.258	586.134.258
- Nguyên giá	228	926.688.000	926.688.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	-613.153.742	-340.553.742
VI. Tài sản dài hạn khác	260	1.944.748.076	1.244.360.510
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	1.944.748.076	1.244.360.510
Tổng cộng tài sản (270 = 100 + 200)	270	163.887.733.680	154.495.216.227
C. Nợ Phải trả	300	148.048.570.283	134.394.618.589
I. Nợ ngắn hạn	310	144.769.969.988	129.725.691.628
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	70.784.160.560	58.302.688.053
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		200.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	2.795.144.322	1.964.342.460
4. Phải trả người lao động	314	4.544.397.669	3.343.245.943
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	66.956.149	47.054.111
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	691.360.416	455.330.005
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	65.267.173.547	64.986.576.633
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	279.565.429	426.454.423
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	341.211.896	

II. Nợ dài hạn	330	3.278.600.295	4.668.926.961
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	2.463.512.563	3.310.912.563
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	815.087.732	1.358.014.398
D. Vốn chủ sở hữu	400	15.839.163.397	20.100.597.638
I. Vốn chủ sở hữu	410	19.688.048.467	20.037.551.115
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	14.325.780.000	14.325.780.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	14.325.780.000	14.325.780.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	3.609.637.505	3.609.637.505
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	1.752.630.962	2.102.133.610
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	1.752.630.962	2.102.133.610
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-3.848.885.070	63.046.523
1. Nguồn kinh phí	431	-3.848.885.070	63.046.523
Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)	440	163.887.733.680	154.495.216.227

## Biểu số 2: BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu	MS	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	189.319.041.815	196.945.785.257
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	10	189.319.041.815	196.945.785.257
4. Giá vốn hàng bán	11	163.456.250.914	169.197.186.346
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	25.862.790.901	27.748.598.911
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.185.954	6.986.011
7. Chi phí tài chính	22	6.168.556.379	6.662.420.513
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23	<i>6.168.556.379</i>	<i>6.662.420.513</i>
8. Chi phí bán hàng	25	2.437.968.324	2.804.074.650
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	14.948.660.815	16.078.076.666
10. Lợi nhuận hoạt động kinh doanh	30	2.312.791.337	2.211.013.093
11. Thu nhập khác	31	70.509.055	509.346.696
12. Chi phí khác	32	131.628.190	618.226.179
13. Lợi nhuận khác	40	-61.119.135	-108.879.483
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	2.251.672.202	2.102.133.610
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	499.041.240	
<i>16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại</i>	52		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	1.752.630.962	2.102.133.610
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.223	1.467
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		





Số /TT-CKMK

Mạo Khê, ngày tháng 3 năm 2022

## TỜ TRÌNH

### V/v lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập Thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty CP cơ khí Mạo Khê - Vinacomin.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát Công ty;

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần cơ khí Mạo Khê - Vinacomin xin kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua các tiêu chuẩn và danh sách các Công ty kiểm toán để lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 như sau:

#### 1. Các tiêu thức lựa chọn:

- Là đơn vị kiểm toán độc lập được Bộ tài chính chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2022 (theo Quyết định số 2141/QĐ-BTC ngày 12/11/2021 của Bộ Tài chính.
- Có uy tín, thương hiệu và tin cậy.
- Có kinh nghiệm kiểm toán đối với hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Đội ngũ kiểm toán viên có năng lực trình độ với nhiều năm kinh nghiệm.
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, chất lượng, tiến độ kiểm toán của Công ty.

#### 2. Danh sách đề xuất các công ty kiểm toán:

- Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC. Trụ sở chính: Số 01 Lê Phụng Hiểu, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm TP Hà Nội.
- Công ty TNHH kiểm toán Nhân Tâm Việt. Địa chỉ trụ sở: Số 8, phường Cát Linh, quận Đống Đa, TP Hà Nội.
- Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn RMS Việt Nam. Địa chỉ trụ sở: số 140, Nguyễn Văn Phú, phường Đa Kao, quận 1, TP Hồ Chí Minh.

#### 3. Ý kiến của Ban kiểm soát:

Ban Kiểm soát đánh giá đây là các công ty kiểm toán độc lập, có mức phí phù hợp với nội dung, chất lượng và tiến độ theo yêu cầu. Vậy Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách trên và giao cho Giám đốc điều hành lựa chọn trên cơ sở chào hàng cung cấp dịch vụ và ký hợp đồng cung cấp



dịch vụ kiểm toán với đơn vị được chọn để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty.

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

***Nơi nhận:***

- Các cổ đông của Công ty;
- Các thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu: VP, BKS, Hồ sơ đại hội.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**

**Lê Hồng Quang**

Số: /NQ- CKMK

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 4 năm 2022

**(Dự thảo)**

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ MẠO KHÊ- VINACOMIN**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Cơ khí Mạo Khê - Vinacomin được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên số /BB-CKMK ngày 20/4/2022 của Công ty cổ phần Cơ khí Mạo Khê – Vinacomin,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Thông qua các báo cáo được trình bày tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, bao gồm:**

**1.1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2021 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2022.**

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý thông qua là: ...../..... phiếu, đại diện cho ..... cổ phần chiếm .....% số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp, với những chỉ tiêu chủ yếu như sau:

TT	Chỉ tiêu	TH năm 2021	KH năm 2022
1	Doanh thu tổng số (triệu đồng)	198.394	190.000
2	Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	2.252	2.500
3	Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	8,331	8,432
4	Cổ tức (%)/ vốn Điều lệ	7	≥ 5

Đại hội thống nhất dự kiến mức cổ tức của năm 2022 tối thiểu bằng 5 % Vốn điều lệ .

Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị ban hành Quyết định đề Công ty tổ chức thực hiện.

**1.2.** Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2021, phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị 2022.

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý thông qua là: ...../..... phiếu, đại diện cho ..... Cổ phần chiếm ..... % số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**1.3.** Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán.

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý thông qua là: ...../..... phiếu, đại diện cho ..... Cổ phần chiếm ..... % số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**1.4.** Báo cáo thẩm định báo cáo tài chính kiểm toán của Ban kiểm soát Công ty.

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý thông qua là: ...../..... phiếu, đại diện cho ..... Cổ phần chiếm ..... % số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**1.5.** Báo cáo lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty năm 2022:

Đại hội thống nhất chọn 03 Công ty kiểm toán độc lập, có mức phí phù hợp với nội dung, chất lượng và tiến độ theo yêu cầu gồm:

- Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC. Trụ sở chính: Số 01 Lê Phụng Hiểu, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm TP Hà Nội.

- Công ty TNHH kiểm toán Nhân Tâm Việt. Địa chỉ trụ sở: Số 8, phường Cát Linh, quận Đống Đa, TP Hà Nội.

- Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn RMS Việt Nam. Địa chỉ trụ sở: số 140, Nguyễn Văn Phú, phường Đa Kao, quận 1, TP Hồ Chí Minh.

Giao cho Giám đốc điều hành lựa chọn trên cơ sở chào hàng cung cấp dịch vụ và ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với đơn vị được chọn để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty.

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý thông qua là: ...../..... phiếu, đại diện cho ..... Cổ phần chiếm ..... % số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**1.6.** Báo cáo về hoạt động của Ban Kiểm soát và việc giám sát hoạt động quản lý Công ty của Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành.

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý thông qua là: ...../..... phiếu, đại diện cho ..... Cổ phần chiếm ..... % số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

## **Điều 2. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021:**

Đại hội thống nhất tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2021 là 7% vốn điều lệ (*trong đó 700 đồng /cổ phần*) và đồng ý trích lập các quỹ năm 2021 với số liệu như sau:

STT	Nội dung	Số tiền (Đồng)
<b>I</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>2.251.672.202</b>
1	Trích nộp thuế TNDN	499.041.240
<b>II</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>1.752.630.962</b>
1	Chia cổ tức: 7% vốn điều lệ	1.002.804.600

STT	Nội dung	Số tiền (Đồng)
2	Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích nội dung (1)	749.826.362
2.1	Trích quỹ đầu tư phát triển: 0%	0
2.2	Quỹ thưởng viên chức quản lý ( $\leq 1,5$ tháng lương thực hiện của viên chức quản lý năm 2021)	78.592.750
2.3	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ( $\leq 03$ tháng lương thực hiện của Công ty năm 2021)	
-	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	671.233.612

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý thông qua là: ...../..... phiếu, đại diện cho ..... Cổ phần chiếm ..... % số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị hoàn thiện thủ tục và thực hiện chi trả cổ tức cho các cổ đông theo qui định của Pháp luật.

**Điều 3. Thông qua chi trả thù lao HĐQT, BKS và lương Người quản lý công ty năm 2021 và mức chi trả năm 2022 .**

### 3.1. Chi trả tiền lương, thù lao năm 2021:

Mức thù lao năm 2021 của thành viên HĐQT, thành viên BKS kiêm nhiệm, chuyên trách, tiền lương Người quản lý công ty hằng tháng thực hiện đúng Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 như sau:

STT	Chức danh	Số người	Tổng số	Trong đó		Ghi chú
				Lương	Thù lao	
1	Hội đồng Quản trị	5	271,9		271,9	Kiểm nhiệm
2	Thành viên BKS	2	96,0		96	Kiểm nhiệm
3	Trưởng BKS	1	302,9	302,9		Chuyên trách
4	Người quản lý (01 GD, 02 PGĐ)	3	640,1	640,1		GD, PGĐ kiêm thành viên HĐQT
<b>Tổng số</b>			<b>1.310,9</b>	<b>943</b>	<b>367,9</b>	

### 3.2. Mức thù lao, tiền lương năm 2022

\* Thù lao của các thành viên HĐQT và BKS kiêm nhiệm chức vụ năm 2021

TT	Chức danh	Mức lương (đ) /01 tháng x 20%	Mức thù lao (đ/người/tháng)
1	Chủ tịch HĐQT (01 người)	25.700.000 x 20%	5.140.000
2	Thành viên HĐQT (04 người)	21.900.000 x 20%	4.380.000

3	Thành viên BKS (02 người)	20.000.000 x 20%	4.000.000
---	---------------------------	------------------	-----------

\* Tổng mức tiền lương và thù lao Công ty sẽ trả cho các thành viên HĐQT, BKS kiêm nhiệm, chuyên trách và lương của Người quản lý Công ty năm 2021 như sau:

TT	Chức danh quản lý	Số người	Tiền thù lao (Tr.đ /năm)	Tiền lương (Tr.đ/năm)
1	Chủ tịch HĐQT	01	61,680	-
2	Thành viên HĐQT	04	210,240	-
3	Trưởng BKS chuyên trách	01	-	330
4	Thành viên BKS kiêm nhiệm	02	96,000	-
5	Giám đốc	01	-	356
6	Phó giám đốc	02	-	315
7	Kế toán trưởng	0	-	-
<b>Tổng cộng</b>			<b>367,920</b>	<b>1001</b>

\* Phương thức chi trả thù lao và tiền lương

Hàng tháng, tạm chi 80 % mức tiền thù lao, tiền lương tháng theo kế hoạch, số còn lại được quyết toán trên cơ sở kết quả hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các thành viên HĐQT, BKS và cán bộ quản lý Công ty.

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý thông qua là: ...../..... phiếu, đại diện cho ..... Cổ phần chiếm ..... % số Cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

#### **Điều 4. Triển khai thực hiện Nghị quyết**

Nghị quyết này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 tổ chức ngày 20/4/2022 biểu quyết thông qua.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành có trách nhiệm chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình phù hợp với quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện tới Đại hội đồng cổ đông tại Phiên họp thường niên năm 2023./.

***Nơi nhận:***

- UBCK Nhà nước (234, Lương Thế Vinh, Trung Văn, Nam Từ Liêm, HN) (b/c);
- Sở GD&ĐT HN (số 2, Phan Chu Trinh, HN) (b/c);
- Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam;
- Các cổ đông Công ty;
- Thành viên HĐQT, BKS Công ty;
- Đảng ủy, Công đoàn, ĐTN, CCB Công ty;
- Các phó Giám đốc, KTTTr Công ty;
- Phòng TCHC đăng trên Website của Công ty;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty, hồ sơ đại hội.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA**

**Nguyễn Trọng Tốt**